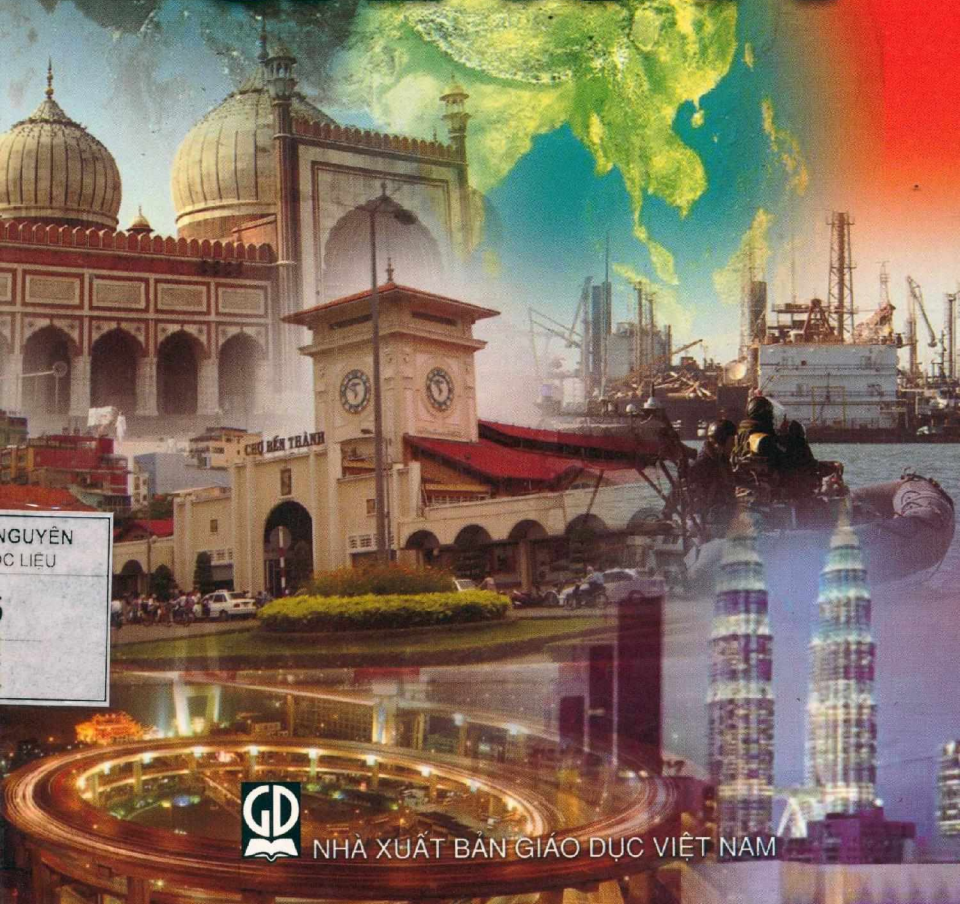




CK.0000075359

THỊ HẢI YẾN (Chủ biên)
ĐOÇ DIỆP - NGUYỄN YẾN NGỌC

ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI CHÂU Á



NGUYỄN
ĐOÇ LIÊU



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI THỊ HẢI YẾN (Chủ biên)
PHẠM THỊ NGỌC DIỆP – NGUYỄN YẾN NGỌC

ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI CHÂU Á

(Tái bản lần thứ hai có chỉnh lý và bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Lời nói đầu

Các quốc gia châu Á gần gũi về khoảng cách địa lý, có sự tương đồng về văn hóa và có quan hệ kinh tế – xã hội chặt chẽ với Việt Nam. Những tri thức về đất nước, kinh tế – xã hội của các nước châu Á cần thiết đối với mỗi người trong công việc, trong cuộc sống và có thể mang lại lợi ích cho bản thân, cơ quan, doanh nghiệp và cộng đồng. Những thông tin, số liệu về kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới nói chung và các nước châu Á nói riêng luôn cần được bổ sung, cập nhật cho phù hợp với thực tiễn.

Địa lý kinh tế – xã hội thế giới là môn học được đưa vào dạy học ở nhiều khoa, ngành trong các trường đại học, cao đẳng cũng như hệ thống các trường phổ thông trung học tại Việt Nam. Hiện nay hình thức đào tạo theo tín chỉ đã được thực hiện trong nhiều trường đại học ở Việt Nam. Thực hiện hình thức đào tạo này, người học môn Địa lý kinh tế – xã hội thế giới, ngoài giáo trình còn cần có các tài liệu học tập và nghiên cứu, cung cấp những thông tin phong phú, cập nhật, chi tiết hơn về kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới. Vì vậy, trên cơ sở nghiên cứu, tham khảo một khối lượng tư liệu lớn của nhiều cơ quan, tác giả trong và ngoài nước, cũng như việc khảo sát thực tiễn ở nhiều quốc gia. Cùng với việc vận dụng kinh nghiệm, kết quả nghiên cứu, biên soạn giáo trình **Địa lý kinh tế – xã hội thế giới**, sách **Địa lý kinh tế – xã hội châu Âu** và nhiều công trình nghiên cứu, chúng tôi tiến hành biên soạn cuốn **Địa lý kinh tế – xã hội châu Á** (các chỉ số phát triển).

Nội dung cuốn sách cung cấp cho quý độc giả nguồn thông tin, số liệu về các nguồn lực tự nhiên, dân cư – xã hội, thể chế chính trị, bức tranh chung về kinh tế cũng như quan hệ kinh tế với Việt Nam của các khu vực và các nước châu Á,... Qua đó, góp phần giúp độc giả có được những tri thức, nhìn nhận, phương pháp học tập, làm việc, kinh doanh có hiệu quả cao và hạnh phúc trong cuộc sống.

Cuốn sách có thể dùng làm tài liệu tham khảo học tập, nghiên cứu cho sinh viên các khoa, ngành trong nhiều trường đại học và cao đẳng,

giáo viên giảng dạy môn Địa lý ở các trường phổ thông trung học, các hướng dẫn viên du lịch cũng như những ai quan tâm đến các vấn đề được biên soạn trong cuốn sách.

Trong quá trình biên soạn cuốn sách này, chúng tôi đã tham khảo một số lượng lớn tài liệu, công trình nghiên cứu của nhiều tác giả, cũng như các cơ quan và tổ chức. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các cơ quan, tổ chức và các tác giả đã dẫn trong sách.

Mặc dù tác giả đã có nhiều cố gắng trong quá trình biên soạn để nội dung cuốn sách mang tính khoa học và thực tiễn cao nhất. Song kinh tế – xã hội thế giới cũng như kinh tế – xã hội châu Á là những vấn đề khoa học và thực tiễn rộng lớn, luôn biến động, nên cuốn sách khó tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của quý độc giả để khi tái bản cuốn sách sẽ có chất lượng tốt hơn.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn PGS Nguyễn Dực, PGS.TS Đặng Văn Đức (Chủ nhiệm Khoa Địa lý – Trường Đại học Sư phạm 1 Hà Nội) cùng các cơ quan, các bạn đồng nghiệp, những người thân, các thế hệ sinh viên đã khích lệ và giúp đỡ chúng tôi trong quá trình biên soạn, chỉnh sửa cuốn sách.

CÁC TÁC GIẢ

Chương I

ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI CÁC NƯỚC ĐÔNG – BẮC Á

KHÁI QUÁT ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI KHU VỰC ĐÔNG – BẮC Á

1. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN⁽¹⁾

1.1. Vị trí địa lý

Các nước Đông – Bắc Á có vị trí nằm ở khu vực Đông – Bắc của châu Á, có diện tích 11.793.911 km² và số dân năm 2012 là 1570,352 triệu người, gồm các quốc gia nằm trên lục địa Á – Âu là Trung Quốc, Hàn Quốc, Cộng hoà Dân chủ nhân dân (CHDCND) Triều Tiên, Mông Cổ (nằm trên lục địa Á – Âu, phần phía Bắc của Liên bang Nga thường được nghiên cứu trong phần Địa lý kinh tế – xã hội châu Âu); Nhật Bản và Đài Loan là quốc đảo và vùng lãnh thổ nằm trên Thái Bình Dương. Trừ Mông Cổ, các quốc gia và vùng lãnh thổ trong khu vực Đông – Bắc Á đều có đường biển dài, đồng thời có vị trí nằm trên đường giao thông quốc tế từ châu Á sang châu Mỹ, thuận lợi cho phát triển giao thương, trao đổi văn hóa giữa các nước trong khu vực cũng như trên thế giới.

1.2. Địa hình và địa chất

Các nước trong khu vực Đông – Bắc Á đều có địa hình nhiều núi và cao nguyên.

Mông Cổ và Trung Quốc là những nước có nhiều núi và cao nguyên cao, có nhiều đồng cỏ, thuận lợi cho phát triển chăn nuôi.

Trung Quốc và Hàn Quốc là những quốc gia có nhiều đồng bằng, thuận lợi cho trồng các loại cây lương thực (lúa gạo, lúa mì, lúa mạch, ngô). Đây là một trong những yếu tố quan trọng cho việc hình thành, nuôi dưỡng và phát triển những nền văn minh, văn hóa của các quốc gia này.

CHDCND Triều Tiên, Nhật Bản và Đài Loan chỉ có các đồng bằng giữa núi và ven biển nhỏ hẹp, đất đai kém màu mỡ, không thuận lợi cho nông nghiệp phát triển.

Nhật Bản, Trung Quốc và Đài Loan nằm trong vùng không ổn định của vỏ Trái Đất, nên thường xảy ra nhiều trận động đất, gây thiệt hại cho đời sống và sản xuất.

⁽¹⁾ www.cia.gov/theworldfactbook; www.fullworld.eu; www.mofa.gov.vn/vi;
www.wiki.pedia.com.vn.

1.3. Khí hậu và sông hồ

Các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, CHDCND Triều Tiên và vùng lãnh thổ Đài Loan có vị trí nằm từ 19 – 53° vĩ tuyến Bắc (VTB) và tọa lạc ở vùng Đông – Bắc của lục địa châu Á, nên có khí hậu cận nhiệt đới và ôn đới mang tính chất gió mùa. Các nước này đều có mùa đông lạnh, nhiệt độ trung bình năm trên 20°C; nhiệt độ trung bình tháng 1 ở miền Tây Trung Quốc, CHDCND Triều Tiên và miền Bắc của Nhật Bản xuống dưới 0°C. Lượng mưa trung bình trên 1.000 mm (Nhật Bản 3.000 mm), mưa tập trung từ tháng 6 đến tháng 9 nên hay gây ra lũ lụt.

Mông Cổ và miền Tây của Trung Quốc có khí hậu cận nhiệt và ôn đới mang tính lục địa, khô khan, khắc nghiệt. Vào mùa hè nhiệt độ trung bình tháng 7 từ 38°C đến 40°C, nhiều ngày lên trên 40°C. Nhưng vào mùa đông, nhiệt độ trung bình tháng 1 là dưới 0°C. Lượng mưa ít, tại các thung lũng những vùng khuất gió và các hoang mạc lượng mưa trung bình năm chỉ từ 100 – 200 mm.

Trung Quốc, Hàn Quốc và CHDCND Triều Tiên có nhiều sông lớn như Trường Giang, Hoàng Hà, Mekong, Liêu Hà, Tây Giang, Tùng Hoa... (Trung Quốc); Na Kdonggiang và Hanggiang (Hàn Quốc); Áp Lục, Đại Hồng, Lạc Đông, Vịnh Sơn... (CHDCND Triều Tiên). Sông ngòi của các nước này đều chảy theo hướng Bắc – Nam và Tây – Đông, đổ ra các biển của Thái Bình Dương, có giá trị thủy điện và giao thông, cung cấp nước cho đời sống và sản xuất. Các sông này có chế độ nước theo mùa, hay gây ra lũ lụt vào mùa mưa.

Trung Quốc là quốc gia có nhiều hồ nhất so với các nước trong khu vực, với 70 hồ có diện tích trên 100 km², có giá trị điều hòa nước và khí hậu, cung cấp nước ngọt, có phong cảnh đẹp, thuận lợi cho phát triển du lịch.

Nhật Bản và Đài Loan có các sông thường ngắn và dốc, có giá trị về thủy điện.

Mông Cổ là quốc gia nghèo tài nguyên nước (cả nước ngầm và nước mặt), sông ngòi ít nước, thưa thớt, chỉ có nước về mùa mưa.

Các nước khu vực Đông – Bắc Á thường phải chịu các thảm họa thiên nhiên như khô hạn, lũ lụt, trượt lở và xói mòn đất đai, bão, động đất, hoang mạc hóa.

1.4. Tài nguyên rừng và khoáng sản

Nhật Bản có 64% diện tích tự nhiên được rừng bao phủ, các nước còn lại đều nghèo tài nguyên rừng. Hiện nay, rừng tự nhiên của Mông Cổ chỉ còn 10% diện tích tự nhiên; Hàn Quốc, CHDCND Triều Tiên và Trung Quốc rừng tự nhiên chỉ còn dưới 20% diện tích tự nhiên. Rừng của các nước Đông – Bắc Á thuộc loại rừng cận nhiệt và ôn đới, thành phần loài không phong phú, các cây lá nhọn xen với các cây lá rộng, rụng lá về mùa đông, nhưng có nhiều loài cây thuốc đông dược. Do địa hình có nhiều núi và cao nguyên cao, nên rừng của các nước này chủ yếu phục vụ cho mục đích bảo tồn.

Trung Quốc và CHDCND Triều Tiên, Hàn Quốc và Mông Cổ là những quốc gia có nhiều mỏ khoáng sản như than đá, quặng sắt, đồng, chì, kẽm, muối mỏ. Trung Quốc có các mỏ dầu trữ lượng 3 tỷ tấn và khí đốt trên 200 tỷ m³ ở vùng Đông – Bắc.

Các nước Nhật Bản và vùng lãnh thổ Đài Loan đều nghèo tài nguyên khoáng sản.

Nhìn chung, so với nhiều khu vực khác ở châu Á, cũng như các châu lục khác, khu vực Đông – Bắc Á gồm nhiều quốc gia có diện tích lớn, dân số đông, nhưng nghèo tài nguyên thiên nhiên và thường phải chịu nhiều thảm họa thiên nhiên, gây khó khăn cho phát triển kinh tế và đời sống.

2. DÂN CƯ – XÃ HỘI VÀ THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ

2.1. Dân cư – xã hội

Bảng 1.1. Các chỉ số dân cư – xã hội chủ yếu của các nước Đông – Bắc Á năm 2012

Đơn vị Tiêu mục	Nhật Bản	CHDCND Triều Tiên	Trung Quốc	Hàn Quốc	Mông Cổ	Đài Loan
Dân số (1000 người)	127.368	24.589	1.343.240	48.861	3180	23.114
0 – 14 tuổi (%)	13,1	22,4	17,6	15,7	27,3	15,6
15 – 65 tuổi (%)	6,4	68,6	73,6	72,9	68,7	73,4
Trên 65 tuổi (%)	22,9	9,1	8,9	11,4	4	10,9
Tuổi trung bình (tuổi)	44,8	32,9	35,5	38,4	26,2	37,2
Tỷ lệ tăng dân số (%)	-0,077	0,525	0,481	0,204	1,469	0,171
Tỷ lệ sinh (‰)	8,39	14,51	12,31	8,42	20,7	8,81
Tỷ lệ tử (‰)	9,15	9,12	7,17	6,38	6,01	7,12
Tỷ lệ nhập cư (‰)	0	-0,04	-0,33	0	0	0,03
Tỷ lệ tử ở trẻ sơ sinh (‰)	2,21	26,21	15,62	4,08	36	5,1
Số con trung bình/1 mẹ (con)	1,21	2,01	1,55	1,23	2,19	1,16
Tuổi thọ TB (tuổi)	83,01	69,2	74,84	79,3	68,63	78,48
Giới tính (Nam/nữ)	0,94	0,94	1,06	1,0	1,0	1,01
Tỷ lệ dân thành thị (%)	67	60	47	83	62	-
Chi phí y tế/GDP (%)	9,3	2,0	4,6	6,5	9,3	-
Chi phí giáo dục/GDP (%)	3,5	-	-	4,2	5,6	-
Số năm đi học TB (năm)	15	-	12	17	14	-
Dân số dùng nước sạch (%)	100	59	55	100	50	100
Tỷ lệ nghèo đói (%)	15	-	13,4	15	39,2	1,16

Nguồn: www.cia.gov/cia/library/publication/the-world-factbook

• **Dân số:** Trừ Mông Cổ, các nước Đông – Bắc Á đều có số dân đông và mật độ dân số trung bình cao. Năm 2012, khu vực Đông – Bắc Á có số dân là 1570,352 triệu người (cao hơn 14,390 triệu so với năm 2007), với mật độ dân số trung bình là 133 người/km² (cao gấp gần 4 lần mật độ dân số trung bình của thế giới). Trong đó, Đài Loan có mật độ dân số đông, đứng thứ hai thế giới; Hàn Quốc có mật độ dân số đứng thứ ba thế giới.

Mông Cổ là quốc gia có dân số trẻ, tuổi trung bình của dân số là 26,2 và có tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao. Các nước còn lại đều có dân số đang già đi, đặc biệt là các nước Hàn Quốc, Đài Loan và Nhật Bản (tuổi trung bình từ 37,2 đến 44,8 tuổi); tuổi thọ trung bình cao (78,18 – 83,91 tuổi); số con trung bình của 1 bà mẹ dưới mức thay thế (1,16 con (Đài Loan) đến 1,23 con (Hàn Quốc)).

Tỷ lệ gia tăng dân số thấp sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho bảo vệ tài nguyên môi trường, nâng cao mức sống, song sẽ gây tình trạng thiếu lao động trẻ và phải chi phí nhiều cho chăm sóc người già.

Do có quá trình công nghiệp hóa phát triển nhanh và thành công, nên trừ Trung Quốc, các nước trong khu vực đều có tỷ lệ dân số thành thị cao, đặc biệt là Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan có tỷ lệ dân thành thị từ 67 – 83%.

• **Mức sống:** Những năm gần đây các nước Đông – Bắc Á thực hiện cải cách kinh tế, thúc đẩy quá trình tư nhân hóa, tự do hóa và công nghiệp hóa, nên mức sống dân cư của các nước được cải thiện nhiều. Đặc biệt là Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan là những nước có mức sống của dân cư cao. Năm 2011, GDP/người (PPP) của Nhật Bản đạt 34.300 USD; Đài Loan đạt 37.900 USD; Hàn Quốc đạt 31.700 USD. Các nước này có tỷ lệ tử ở trẻ sơ sinh thấp, ở Nhật Bản (2,6‰), Hàn Quốc (4,08‰), Đài Loan (5,41‰) và tuổi thọ trung bình cao; 100% dân cư được hưởng bảo hiểm y tế, bảo hiểm hưu trí và được dùng nước sạch.

Ở các nước Đông – Bắc Á, tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ ngang với các nước EU (từ 91,5 – 99%). Đặc biệt, ở Nhật Bản số năm đi học trung bình là 15 năm và gần 50% thanh niên Nhật Bản tốt nghiệp đại học. Trong số các nước Đông – Bắc Á, Mông Cổ, CHDCND Triều Tiên mức sống của cư dân còn thấp. Năm 2011, GDP/người của Mông Cổ đạt 4.500 USD, CHDCND Triều Tiên đạt 1.800 USD/người; tỷ lệ tử ở trẻ sơ sinh cao (Mông Cổ (36,24%), CHDCND Triều Tiên (26,21%)); tuổi thọ trung bình của dân số thấp nhất khu vực (Mông Cổ chỉ có 60% dân số được dùng nước sạch).

Năm 2009, tất cả các nước trong khu vực đều có 0,1% dân số ở tuổi trưởng thành nhiễm HIV/AIDS, có 924.000 người nhiễm HIV/AIDS và 50.000 người đã chết vì căn bệnh này.

• **Ngôn ngữ:** Ngữ hệ Hán có ảnh hưởng đến ngôn ngữ và văn hóa của phần lớn các nước trong khu vực, trừ Mông Cổ.

• **Tôn giáo:** Nhật Bản và Đài Loan có tỷ lệ cao dân số theo các tôn giáo, các nước còn lại đa đặc điểm của thể chế chính trị nên dân số không theo các tôn giáo chiếm tỷ lệ lớn. Ở Nhật Bản, Shinto và đạo Phật chiếm 84% dân số; 16% dân số theo các tôn giáo khác. Ở Đài Loan, 94% dân số theo đạo Lão và đạo Phật; 4,5% dân số theo Thiên chúa giáo. Ở Trung Quốc, 3 – 4% dân số theo Lão giáo và Phật giáo; Thiên chúa giáo (1%); Hồi giáo (1%). Ở Hàn Quốc, 19,7% dân số theo đạo Tin lành; 23,2% theo đạo Phật; 7,9% theo Thiên chúa giáo và các tôn giáo khác. Ở